TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13/11/2019
V/v tranh chấp ly hôn, giao con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Bích Thủy - Thư ký Tòa án.

Ngày 13/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/9/2019 về việc "Tranh chấp về ly hôn, giao con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/QĐ-TA ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Tổ 01 B, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H.

Địa chỉ: Tổ 01 B, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai, vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức H đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bình thường, vài năm trở lại đây thì nảy sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Đức H mắc phải tệ nạn xã hội thường hay sử dụng ma túy nên kinh tế gia đình sa sút, thiếu sự chăm lo vun vén gia đình. Họ hàng 2 bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến nhau. Xét thấy vợ chồng không có

hạnh phúc nên chị Hồng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Chị H xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo Ch sinh ngày 01/3/2012, hiện nay cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị Hồng có nguyện vọng xin nuôi cháu Nguyễn Thị Bảo Ch và không yêu cầu anh Hiệp phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Hồng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ anh Hiệp nhiều lần để giải quyết vụ án theo đúng trình tự của pháp luật nhưng anh Hiệp đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Đức H không có yêu cầu phản tố vắng mặt đến lần thứ 2 không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt của bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức H tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Việc kết hôn của hai bên đều tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hai người chung sống với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống và cách cư xử trong sinh hoạt hàng ngày. Theo xác nhận của tổ dân phố 01 B, phường K và Công an phường K, thành phố L thì anh Nguyễn Đức H có biểu hiện mắc tệ nạn xã hội. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H để giải quyết cho chị Hồng được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

[3]. Về con chung, giao con khi ly hôn:

Chị Hồng và anh Nguyễn Đức H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo Ch sinh ngày 01/3/2012, hiện nay cháu đang ở với chị. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ghi ý kiến của cháu Nguyễn Thị Bảo Ch và được biết nguyện vọng của cháu muốn được ở với chị Nguyễn Thị H. Xét về điều kiện, khả năng nuôi dưỡng của chị H và nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Bảo Ch, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị H là người có sức khỏe, có thu nhập ổn định nên việc giao cháu Ch cho chị H nuôi dưỡng theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về điều kiện cấp dưỡng: Xét thấy hiện tại anh Nguyễn Đức H không có khả năng cấp dưỡng, hơn nữa chị H cũng chưa yêu cầu. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với Nguyễn Đức H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bảo Ch sinh ngày 01/3/2012 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời anh Nguyễn Đức H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị Vũ Thị Hồng đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006312 ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, sơ thẩm. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSNDTP;
- Các đương sự;
- THADS;
- UBND phường Kim Tân;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đức Thịnh